TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST.
Ngày: 23-3-2021.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Duy Chấn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 234/2020/TLST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS ngày 03/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-DS, ngày 23 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số 266-268 đường NKKN, phường A, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Phó phòng giao dịch tiềm năng Đ, Ngân hàng Thương mại cổ phần S, chi nhánh Đ, phòng giao dịch Đ, địa chỉ: Số 61 đường NTT, thị trấn Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông – Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H,sinh năm 1971 – Đều vắng mặt

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Thôn 2, xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 09 năm 2020 và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 25/5/2018, ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H ký hợp đồng tín dụng

số LD1814500422 và giấy nhận nợ số 01/ LD1814500422 với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch Đ với các nội dung sau: Số tiền là 160.000.000đồng, thời hạn vay là 12 tháng, thời điểm trả hết nợ là ngày 25/5/2019, lãi suất cho vay là 11,5%/năm trong 03 tháng đầu sau khi giải ngân và được điều chỉnh kể từ tháng thứ 4 trở đi theo mức lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank + biên độ 4,6%/năm và được Ngân hàng TMCP S điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần nhưng không thấp hơn lãi suất ban đầu. Để bảo đảm cho khoản vay, ông H và bà H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 30, 31 tờ bản đồ số 60 tại khu vực Đ, xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1273/18/TC ngày 22/5/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng V và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đ. Khi đến hạn trả nợ (ngày 25/5/2019) nhưng ông H, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP S chuyển toàn bộ số nợ của ông H, bà H sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H thanh toán số tiền tính đến ngày xét xử 23/3/2021 của hợp đồng cho vay số: LD 1814500422 và giấy nhận nợ số: 01/ LD1814500422 ngày 25/5/2018 là: 232.359.598đồng, trong đó nợ gốc là: 160.000.000đồng, lãi trong hạn theo hợp đồng là 52.124.932đồng, lãi quá hạn là 16.862.466đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 3.372.200đồng. Ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 24/3/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ theo các hợp đồng mà các bên đã ký kết. Trường hợp ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ thì yêu cầu xử lý đối với các tài sản đã thế chấp để trừ vào số nợ. Ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H phải chịu các chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật.

2. Đối với bị đơn ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H: Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H nhưng ông H và bà H đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không đến Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơnđều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ trên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, áp dụng các Điều 295; Điều 298; Điều 319; Điều 321; Điều 323; Điều 463; Điều 466; Điều

468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8; 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1273/18/HDCTD theo quy định của pháp luật tính đến ngày 23/03/2021 gồm:52.124.932 đồng lãi theo hợp đồng; 16.862.466 đồng lãi phạt chậm trả vốn; 3.372.200 đồng lãi phạt chậm trả lãi.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông H, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp ông H, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng TMCP S – chi nhánh Đ – PGD Đ được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 30, tờ bản đồ số 60 địa chỉ tại khu vực Đ, xã Đ, huyện Đắk Mil theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 270065 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 18/05/2018; thửa đất số 31, tờ bản đồ số 60 địa chỉ tại khu vực Đ, xã Đ, huyện Đắk Mil theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 270066 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 18/5/2018 để thu hồi nợ.

*Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

* Về án phí: áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. **Về tố tụng**:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã Đ, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Kết quả xác minh tại Công an xã Đ thể hiện: Ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 2,

xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tuy nhiên ông H và bà H không có mặt tại địa phương mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã làm thủ tục thông báo ấn định thời gian làm việc đối với ông H, bà H trên Báo công lý các số 103, 104 (năm 2020) và số 01 (năm 2021); trên Đài tiếng nói Việt Nam phát sóng lúc 17h50-18h00 các ngày 27;28;29/12/2020nhưng ông H, bà H đều không có thông tin gì. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

2. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng:

Theo hợp đồng cho vay số: LD1814500422, ngày 25/5/2018 và giấy nhận nợ số: 01/LD1814500422 ngày 25/5/2018 giữa ông Nguyễn Duy H, bà Nguyễn Thị H và Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch Đ thể hiện: Số tiền vay: 160.000.000đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay là 11,5%/năm trong 03 tháng đầu sau khi giải ngân và được điều chỉnh kể từ tháng thứ 4 trở đi theo mức lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank + biên độ 4,6%/năm và được Ngân hàng TMCP S điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần nhưng không thấp hơn lãi suất ban đầu. Thời hạn trả nợ là ngày 25/5/2019, phương thức trả nợ: Bên vay trả vốn gốc và lãi cuối kỳ. Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngày 25/5/2019, khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông H, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm Điều 3,4,5 của hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, vi phạm Điều 466 của Bộ luật Dân sự do đó Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông H, bà H phải thanh toán số nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận, buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là:160.000.000 đồng *(Một trăm sáu mươi triệu đồng).*

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi giữa Ngân hàng TMCP S và ông H, bà H theo hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tạm tính đến ngày xét xử ngày 23/3/2021, cụ thể: Lãi trong hạn theo hợp đồng là 52.124.932đồng, lãi quá hạn là 16.862.466đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 3.372.200đồng. Ông H, bà H phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất

quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ kể từ ngày 24/3/2021 cho đến khi trả xong nợ.

[2.2] Đối với tài sản thế chấp:

[2.2.1] Hiệu lực của hợp đồng thế chấp:

Để bảo đảm cho khoản vay, ông H và bà H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 30, 31 tờ bản đồ số 60 tại khu vực Đ, xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1273/18/TC ngày 22/5/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng Vũ Minh Vững. Hợp đồng thế chấp được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2.2] Về tài sản thế chấp: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/01/2021 xác định các thửa đất số 30, 31 tờ bản đồ số 60 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil cấp cho ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H phù hợp với bản đồ giải thửa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế phù hợp, đúng vị trí.

3.Đối với ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần (đã tiến hành thông báo, niêm yết theo đúng quy định của pháp luật) và đã được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có thông tin, không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

5. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chị toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

6. Về các chi phí tố tụng khác:

6.1. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định do Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

6.2. Về chi phí xác minh, đăng tin: Nguyên đơn phải chịu số tiền 5.000.000đồng chi phí xác minh, đăng tin theo Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1Điều 35; Điều 39; Điều 147, 157, 180, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/3/2021) là: 232.359.598đồng, trong đó nợ gốc là: 160.000.000đồng,lãi trong hạn theo hợp đồng là 52.124.932đồng, lãi quá hạn là 16.862.466đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 3.372.200đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/3/2021) ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 30, tờ bản đồ số 60 địa chỉ tại khu vực Đ, xã Đ, huyện Đắk Mil theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 270065 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 18/05/2018; thửa đất số 31, tờ bản đồ số 60 địa chỉ tại khu vực Đ, xã Đ, huyện Đắk Mil, huyện Đắk Mil theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 270066 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 18/5/2018để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H phải nộp: 11.618.000đ (*mười một triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.411.000đ (*Năm triệu bốn trăm mười một nghìn đồng*) theo biên lai số 0003585 ngày 08/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Duy H và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định do Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày

tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đăk Mil;
- THADS huyện Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thế Thắng